

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN PHỔI TRUNG ƯƠNG

DANH MỤC
KỸ THUẬT CHUYỂN GIAO CỦA BỆNH VIỆN PHỔI TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
KHOA NỘI SOI CHẨN ĐOÁN VÀ CAN THIỆP				
1	Nội soi khí-phế quản ống mềm sinh thiết xuyên vách	BS, KTV		
2	Nội soi khí-phế quản ống mềm cắt đốt u bằng điện đông cao tần	BS, KTV		
3	Nội soi khí-phế quản ống cứng cắt đốt u bằng điện đông cao tần	BS, KTV		
4	Nội soi khí-phế quản ống cứng đặt stent	BS, KTV		
5	Nội soi khí-phế quản ống mềm sinh thiết	BS, KTV		
6	Nội soi khí-phế quản ống mềm cắt u lạnh	BS, KTV		
7	Nội soi khí-phế quản ống cứng cắt u lạnh	BS, KTV		
8	Nội soi khí-phế quản ống mềm chẩn đoán	BS, KTV		
9	Nội soi khí-phế quản ống cứng chẩn đoán	BS, KTV		
10	Nội soi khí-phế quản ống mềm lấy dị vật	BS, KTV		
11	Nội soi khí-phế quản ống cứng lấy dị vật	BS, KTV		
12	Nội soi khí-phế quản ống mềm chải phế quản chẩn đoán	BS, KTV		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
13	Nội soi khí-phế quản ống mềm huỳnh quang	BS, KTV		
14	Nội soi khí-phế quản ống mềm dải tần hẹp (NBI, Iscan, Fice..)	BS, KTV		
15	Nội soi lồng ngực ống nửa cứng, nửa mềm chẩn đoán	BS, KTV		
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
16	Sinh thiết phổi/ màng phổi dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	BS, KTV		
17	Chụp và can thiệp mạch phế quản số hóa xóa nền (DSA)	BS, KTV		
18	Điều trị đốt u phổi bằng vi sóng (MWA)	BS, KTV		
19	Chụp cắt lớp vi tính đa dãy ngực có tiêm cản quang	KTV		
20	Chụp cộng hưởng từ từng bộ phận có tiêm đối quang từ	KTV		
21	Siêu âm ngực	BS		
22	Siêu âm tim	BS		
23	Chụp X quang thường qui ngực kỹ thuật số	BS		
KHOA HÓA SINH MIỄN DỊCH				
24	ADA dịch chọc dò (dịch màng bụng, màng phổi, màng tim,...)	BS, KTV		
25	Các Marker ung thư phổi (Định lượng CEA; Định lượng Cyfra 21-1; Định lượng NSE; Định lượng Pro-GRP; Định lượng SCC)	BS, KTV		
26	Các Marker viêm (Định lượng CRP hs; Định lượng Pro-calcitonin)	BS, KTV		
27	Khí máu (động mạch)	BS, KTV		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
28	Các xét nghiệm hóa sinh sử dụng trong chẩn đoán và điều trị	BS, KTV		
	Lồng ghép hoạt động chuyển giao kỹ thuật và hướng dẫn quản lý chất lượng phòng xét nghiệm y học theo Thông tư 01/2013/TT-BYT và Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 của Bộ Y tế.			
KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU				
29	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (phết máu ngoại vi)	BS, KTV		
30	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	BS, KTV		
31	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	BS, KTV		
32	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	BS, KTV		
33	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	BS, KTV		
34	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	BS, KTV		
35	Tập trung bạch cầu	BS, KTV		
36	Máu lắng (bằng máy tự động)	BS, KTV		
37	Tìm tế bào Hargraves	BS, KTV		
38	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	BS, KTV		
39	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi,...) bằng máy phân tích huyết học tự động	BS, KTV		
40	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	BS, KTV		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
41	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	BS, KTV		
42	Làm thủ thuật chọc hút dịch làm hạch đồ	BS, KTV		
43	Xét nghiệm tế bào hạch	BS, KTV		
44	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22 ⁰ C (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
45	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37 ⁰ C (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
46	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
47	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
48	Định nhóm máu hệ Rh (D) (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
49	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	BS, KTV		
50	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	BS, KTV		
51	Định lượng Fibrinogen, phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	BS, KTV		
52	Sức bền thấm thấu hồng cầu	BS, KTV		
KHOA VI SINH VÀ LABO LAO CHUẨN QUỐC GIA				
53	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	BS, KTV		
54	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl Neelsen	BS, KTV		
55	MTB nuôi cấy môi trường lỏng	BS, KTV		
56	MTB kháng thuốc hàng 1 môi trường đặc	BS, KTV		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
57	MTB kháng thuốc hàng 2 môi trường đặc	BS, KTV		
58	MTB kháng thuốc hàng 1 môi trường lỏng	BS, KTV		
59	MTB kháng thuốc hàng 2 môi trường lỏng	BS, KTV		
60	MTB kháng thuốc PZA	BS, KTV		
61	MTB đa kháng, siêu kháng và định danh NTM LPA	BS, KTV		
62	Nuôi cấy, định danh và Kháng sinh đồ Vi khuẩn	BS, KTV		
63	Nuôi cấy và định danh vi nấm	BS, KTV		
64	MTB Quantiferon	BS, KTV		
65	MTB định danh và kháng RMP Xpert	BS, KTV		
66	MTB định danh TRC Ready	BS, KTV		
67	MTB định danh TB LAMP	BS, KTV		
KHOA GIẢI PHẪU BỆNH				
68	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm, ...các bệnh phẩm sinh thiết	BS, KTV		
69	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	BS, KTV		
70	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	BS, KTV		
71	Nhuộm Giemsa	BS, KTV		
72	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	BS, KTV		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
73	Chẩn đoán bệnh bằng phương pháp nhuộm Grocott	BS, KTV		
74	Nhuộm Zichl trên mẫu bệnh phẩm mô bệnh	BS, KTV		
75	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh	BS, KTV		
76	Kỹ thuật tế bào học (Chọc hút kim nhỏ/cell bloc)	BS, KTV		
KHOA THĂM DÒ VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
Các kỹ thuật phục hồi chức năng				
77	Bệnh lý giấc ngủ	BS, KTV		
	Đo đa ký hô hấp			
	Đo đa ký giấc ngủ			
	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký			
78	Phục hồi chức năng hô hấp			
	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	BS, KTV		
	Điều trị bằng tia hồng ngoại			
	Tập đi trên máy thảm lăn			
	Tập vận động có trợ giúp/ chủ động/ có kháng trở			
	Tập với thang tường/ròng rọc/xe đạp tập/			
	Tập các kiểu thở/ tập thở bằng dụng cụ 9 bóng, spirometer..)			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Tập ho có trợ giúp			
	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực			
	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế			
	Kỹ thuật xoa bóp vùng			
	Kỹ thuật giãn sườn			
	Kỹ thuật thở có trợ giúp			
	Kỹ thuật thở có kháng trở			
	Kỹ thuật thở với đai trợ giúp			
	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực với máy			
	Kỹ thuật nhún sườn			
	Kỹ thuật tập tăng sức mạnh bèn chi với dụng cụ			
	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi			
	Kỹ thuật tập với xe đạp tập			
Các kỹ thuật thăm dò chức năng hô hấp				
79	Phế thân kế	BS, KTV		
	Đo FeNO			
	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra – MIP/MEP			
	Đo khuếch tán phổi – Diffusion Capacity			
	Đo các thể tích phổi – Lung Volumes			
	Đo biến đổi thể tích toàn thân – Body Plethysmography			
80	Dao động xung ký (thăm dò chức năng hô hấp chuyên sâu)	BS, KTV		
81	Đo chức năng hô hấp	BS, KTV		
	Test giãn phế quản (broncho modilator test)			
	Test dung tích sống gắng sức (FVC)			
KHOA DINH DƯỠNG				
82	Sàng lọc nguy cơ dinh dưỡng	BS, ĐD		
83	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng công cụ chuyên biệt	BS, ĐD		
84	Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh mắc bệnh lý đơn thuần	BS, ĐD		
85	Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh mắc bệnh đái tháo đường đơn thuần	BS, ĐD		
86	Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	BS, ĐD		
87	Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	BS, ĐD		
88	Tư vấn dinh dưỡng cho các bệnh ký thường gặp	BS, ĐD		
89	Chế biến chế độ DD ăn qua ống thông	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
90	Nuôi dưỡng bằng đường miệng cho người bệnh có rối loạn nuốt	BS, ĐD		
91	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông	BS, ĐD		
92	Khám bệnh	BS		
KHOA PHẪU THUẬT LỒNG NGỰC				
93	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	BS, ĐD		
94	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	BS, ĐD		
95	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	BS, ĐD		
96	Phẫu thuật cắt một thùy phổi bệnh lý	BS, ĐD		
97	Phẫu thuật cắt một bên phổi bệnh lý	BS, ĐD		
98	Phẫu thuật cắt phổi do ung thư kèm nạo vét hạch	BS, ĐD		
99	Phẫu thuật cắt u trung thất	BS, ĐD		
100	Phẫu thuật cắt u nang phế quản	BS, ĐD		
101	Phẫu thuật cắt u thành ngực	BS, ĐD		
102	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cận, dầy dính màng phổi	BS, ĐD		
103	Phẫu thuật điều trị lỗ dò phế quản	BS, ĐD		
104	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi	BS, ĐD		
105	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
106	Phẫu thuật cắt xương sườn do viêm xương	BS, ĐD		
107	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	BS, ĐD		
108	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	BS, ĐD		
109	Phẫu thuật cắt-khâu kén khí phổi	BS, ĐD		
110	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	BS, ĐD		
111	Phẫu thuật lấy dị vật phổi, màng phổi	BS, ĐD		
112	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	BS, ĐD		
113	Mổ mở lồng ngực hỗ trợ nội soi	BS, ĐD		
114	Phẫu thuật cắt giảm thể tích phổi	BS, ĐD		
115	Cắt u xương sườn 1 xương/nhiều xương	BS, ĐD		
116	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	BS, ĐD		
117	Phẫu thuật bóc kén màng phổi/nhu mô phổi	BS, ĐD		
118	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	BS, ĐD		
119	Phẫu thuật cắt kén màng tim	BS, ĐD		
120	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	BS, ĐD		
121	Cắt 1 thùy kèm cắt 1 phân thùy điển hình do ung thư	BS, ĐD		
122	Cắt thùy phổi, phần phổi còn lại	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
123	Cắt một bên phổi do ung thư	BS, ĐD		
124	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm vét hạch trung thất	BS, ĐD		
125	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm một mảng thành ngực	BS, ĐD		
126	Cắt phổi và màng phổi	BS, ĐD		
127	Cắt phổi không điển hình do ung thư	BS, ĐD		
128	Cắt u trung thất	BS, ĐD		
130	Phẫu thuật vét hạch nách	BS, ĐD		
KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC				
131	Đặt ống thông khí phổi 2 nòng	BS, ĐD		
132	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	BS, ĐD		
133	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	BS, ĐD		
134	Cai máy thở bằng chế độ thông minh	BS, ĐD		
135	Cấp cứu ngừng tim	BS, ĐD		
136	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	BS, ĐD		
137	Chọc tĩnh mạch đùi	BS, ĐD		
138	Chọc tủy sống đường bên	BS, ĐD		
139	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
140	Đặt mát thanh quản Fastract	BS, ĐD		
141	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	BS, ĐD		
142	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	BS, ĐD		
143	Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chặn phế quản (blocker)	BS, ĐD		
144	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	BS, ĐD		
145	Đặt nội khí quản khó ngược dòng	BS, ĐD		
146	Đo lưu lượng tim PiCCO	BS, ĐD		
147	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng ngực	BS, ĐD		
148	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	BS, ĐD		
149	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường bên	BS, ĐD		
150	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	BS, ĐD		
151	Kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh bằng máy siêu âm	BS, ĐD		
152	Mở khí quản bằng dụng cụ nong	BS, ĐD		
KHOA NGOẠI TỔNG HỢP				
153	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống cổ	BS, ĐD		
154	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương tự thân	BS, ĐD		
155	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương và nẹp vít phía trước	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
156	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống có đặt lồng Titan và nẹp vít	BS, ĐD		
157	Phẫu thuật đặt lại khớp háng tư thế xấu do lao	BS, ĐD		
158	Phẫu thuật thay khớp háng do lao	BS, ĐD		
159	Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao	BS, ĐD		
160	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực/cột sống lưng-thắt lưng	BS, ĐD		
161	Phẫu thuật lao cột sống thắt lưng-cùng	BS, ĐD		
162	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn/khớp ức sườn/khớp ức đòn/khớp vai/khớp khuỷu/khớp cổ-bàn tay/xương đốt bàn-ngón tay/khớp cùng chậu/xương chậu/khớp háng/khớp gối/khớp cổ-bàn chân/xương đùi/xương cẳng chân/xương bàn-ngón chân	BS, ĐD		
163	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	BS, ĐD		
164	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ/xương ức	BS, ĐD		
165	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ/vùng nách/vùng bẹn	BS, ĐD		
166	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng/hố chậu do lao	BS, ĐD		
167	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao	BS, ĐD		
168	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ/vùng nách/vùng bẹn	BS, ĐD		
169	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ/lao thành ngực/lao các khớp	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	ngoại biên			
170	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh vùng cổ do lao cột sống cổ	BS, ĐD		
171	Phẫu thuật cố định cột sống bằng buộc chỉ thép liên gai sau do lao cột sống cổ	BS, ĐD		
172	Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và cố định lõi trước do lao cột sống cổ	BS, ĐD		
173	Phẫu thuật giải ép tủy lõi trước có ghép xương tự thân và cố định cột sống lõi sau do lao cột sống, thắt lưng	BS, ĐD		
174	Phẫu thuật giải ép tủy lõi sau, đặt dụng cụ liên thân đốt (cage) và nẹp vít cố định cột sống ngực, thắt lưng	BS, ĐD		
175	Phẫu thuật lao cột sống có video hỗ trợ	BS, ĐD		
176	Phẫu thuật chỉnh hình gù, vẹo do di chứng lao cột sống	BS, ĐD		
177	Phẫu thuật tháo bỏ dụng cụ kết hợp xương do lao cột sống	BS, ĐD		
178	Phẫu thuật nội soi lao khớp vai/khớp gối/khớp háng	BS, ĐD		
179	Phẫu thuật thay khớp vai do lao	BS, ĐD		
180	Phẫu thuật hàn cứng khớp gối do lao (Arthrodesis)	BS, ĐD		
181	Phẫu thuật vùng vai-xương đòn	BS, ĐD		
182	Phẫu thuật vùng cánh tay	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
183	Phẫu thuật vùng cẳng tay	BS, ĐD		
184	Phẫu thuật vùng cổ tay-bàn tay	BS, ĐD		
185	Phẫu thuật vùng chấu	BS, ĐD		
186	Phẫu thuật vùng đùi	BS, ĐD		
187	Phẫu thuật khớp gối	BS, ĐD		
188	Phẫu thuật vùng cẳng chân	BS, ĐD		
189	Phẫu thuật vùng gót chân-bàn chân	BS, ĐD		
190	Phẫu thuật vùng cổ chân-bàn chân	BS, ĐD		
191	Phẫu thuật cột sống cổ	BS, ĐD		
192	Phẫu thuật cột sống thắt lưng	BS, ĐD		
193	Mở thông hồng tràng/hồi tràng	BS, ĐD		
194	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	BS, ĐD		
195	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	BS, ĐD		
196	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	BS, ĐD		
197	Đóng mở thông ruột non	BS, ĐD		
198	Cắt ruột thừa đơn thuần	BS, ĐD		
199	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
200	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	BS, ĐD		
201	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	BS, ĐD		
202	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	BS, ĐD		
203	Nắn-bó bột	BS, ĐD		
204	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	BS, ĐD		
205	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	BS, ĐD		
206	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính	BS, ĐD		
KHOA UNG BƯỚU				
207	Xạ trị bằng máy gia tốc	BS, ĐD		
208	Xạ trị bằng máy gia tốc có điều biến liều	BS, ĐD		
209	Xạ trị phối hợp đồng thời với hóa trị	BS, ĐD		
210	Xạ trị triệu chứng trong di căn ung thư	BS, ĐD		
211	Truyền hóa chất tĩnh mạch	BS, ĐD		
212	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi	BS, ĐD		
213	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư	BS, ĐD		
214	Điều trị đích trong ung thư	BS, ĐD		
215	Đổ khuôn chì trong xạ trị	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
216	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị ngoài	BS, ĐD		
217	Chụp CT mô phỏng xạ trị	BS, ĐD		
NỘI KHOA (NỘI TỔNG HỢP, LAO HÔ HẤP, NHI, HÔ HẤP)				
218	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	BS, ĐD		
219	Bơm rửa khoang màng phổi	BS, ĐD		
220	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	BS, ĐD		
221	Chọc dò dịch màng phổi	BS, ĐD		
222	Chọc tháo dịch màng phổi	BS, ĐD		
223	Chọc hút khí màng phổi	BS, ĐD		
224	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	BS, ĐD		
225	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	BS, ĐD		
226	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	BS, ĐD		
227	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	BS, ĐD		
228	Sinh thiết màng phổi mù	BS, ĐD		
229	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm/ chụp cắt lớp vi tính (Khoa CDHA thực hiện)	BS, ĐD		
230	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
231	Chọc dò dịch não tủy	BS, ĐD		
232	Đặt sonde bàng quang	BS, ĐD		
233	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	BS, ĐD		
234	Chọc tháo dịch ổ bụng xét nghiệm	BS, ĐD		
235	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	BS, ĐD		
236	Đặt ống thông dạ dày/ hậu môn	BS, ĐD		
237	Hút dịch khớp gối	BS, ĐD		
238	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn siêu âm	BS, ĐD		
239	Hút dịch khớp khuỷu, cổ chân, cổ tay, cổ chân/ dưới hướng dẫn của siêu âm	BS, ĐD		
240	Xử trí tăng áp lực nội sọ	BS, ĐD		
241	Chọc dò tủy sống trẻ sơ sinh	BS, ĐD		
242	Chọc dò tủy sống	BS, ĐD		
243	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm	BS, ĐD		
244	Đặt sonde hậu môn	BS, ĐD		
245	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	BS, ĐD		
246	Giải mẫn cảm nhanh với thuốc 72 giờ	BS, ĐD		
247	Giải mẫn cảm với thuốc đường uống	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
KHOA BỆNH PHỔI NGHỀ NGHIỆP				
248	Khí dung kiềm nòng	BS, ĐD		
249	Rửa phổi toàn bộ	BS, ĐD		
KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC, CẤP CỨU				
250	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ			
251	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	BS, ĐD		
	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ			
252	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	BS, ĐD		
	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng			
	Chăm sóc catheter tĩnh mạch/ động mạch			
	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm			
	Đo áp lực tĩnh mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ			
	Siêu âm dẫn đường đặt Catheter tĩnh mạch/ động mạch cấp cứu			
253	Đặt catheter động mạch	BS, ĐD		
	Chăm sóc catheter tĩnh mạch/ động mạch			
	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Siêu âm dẫn đường đặt Catheter tĩnh mạch/ động mạch cấp cứu			
	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO			
	Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt BS, ĐD			
254	Theo dõi áp lực các buồng tim, áp lực động mạch phổi bít xâm nhập ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
255	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	BS, ĐD		
	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản			
	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao			
256	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
257	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	BS, ĐD		
	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu			
	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da			
	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ			
258	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
259	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	BS, ĐD		
	Hút đờm qua ống nội khí quản/ canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)			
	Hút đờm qua ống nội khí quản/ canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Hút đờm qua ống nội khí quản/ canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) một lần hút			
260	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)/ qua mặt nạ không có túi (≤8 giờ)	BS, ĐD		
	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van)(≤ 8 giờ)/ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)			
	Thở oxy qua ống chữ T (T – tube) (≤ 8 giờ)			
	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính			
	Thở oxy qua mặt nạ venturi			
261	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	BS, ĐD		
	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ			
	Đặt ống nội khí quản			
	Đặt ống nội khí quản 2 nòng			
	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi – Low EVAC)			
	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)			
	Thay ống/ Rút ống nội khí quản			
262	Mở khí quản cấp cứu/ Mở khí quản thường quy	BS, ĐD		
	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở			
	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Rút canuyn khí quản			
	Thay canuyn mở khí quản			
	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng			
263	Vận động trị liệu hô hấp	BS, ĐD		
264	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	BS, ĐD		
	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)			
265	Siêu âm màng phổi cấp cứu	BS, ĐD		
	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter			
	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ			
	Mở màng phổi cấp cứu			
	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca			
	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ			
266	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
267	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	BS, ĐD		
268	Bơm rửa phế quản	BS, ĐD		
269	Dẫn lưu trung thất liên tục ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP/ BiPAP ≤ 8 giờ			
	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ			
	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV/PCV/A/C (VCV, SIMV,PSV, CPAP, APRV ≤ 8 giờ			
	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ			
	Cai thở máy bằng phương thức SIMV, PSV, T – tube ngắt quãng ≤ 8 giờ			
	Thủ thuật huy động phế nang 40/40/ 60/40, PCV			
	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP, T - tube			
270	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	BS, ĐD		
	Chọc hút nước tiểu trên xương mu			
	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ			
	Đặt catheter lọc máu cấp cứu			
	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)/ cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn/ cho người bệnh suy đa tạng			
	Lọc máu liên tục cấp cứu CVVHDF cho người bệnh ARDS			
	Thay huyết tương sử dụng huyết tương/ sử dụng albumin			
	Thay huyết tương trong suy gan cấp			
	Đo lượng nước tiểu 24 giờ			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
271	Chọc dịch tủy sống	BS, ĐD		
272	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
	Đặt ống thông dạ dày			
	Rửa dạ dày cấp cứu			
	Thụt tháo			
	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)			
	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ			
	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)			
	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ			
	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ			
	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ			
273	Chọc dò ổ bụng cấp cứu			
	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
274	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện điện	BS, ĐD		
275	Kiểm soát đau trong cấp cứu	BS, ĐD		
276	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	BS, ĐD		
	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ			

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Lấy máu tĩnh mạch bẹn			
	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên			
277	Điều chỉnh tăng/ giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	BS, ĐD		
	Điều chỉnh tăng/ giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch			
278	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	BS, ĐD		
	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)			
	Vận chuyển người bệnh nặng có thở có thở máy			
	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển			
279	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	BS, ĐD		
280	Gội đầu cho người bệnh tại giường	BS, ĐD		
281	Tắm cho người bệnh tại giường	BS, ĐD		
282	Xoa bóp phòng chống loét	BS, ĐD		
283	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	BS, ĐD		
284	Garô hoặc băng ép cầm máu	BS, ĐD		
285	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	BS, ĐD		
	Lấy máu động mạch khác làm xét nghiệm			
286	Truyền máu và các chế phẩm máu	BS, ĐD		

TT	Tên kỹ thuật chuyển giao	Đối tượng học viên	Thời gian chuyển giao	Kinh phí
	Định nhóm máu tại giường			
287	Siêu âm cấp cứu tại giường	BS, ĐD		

Ghi chú: Thời gian và mức kinh phí chuyển giao của mỗi kỹ thuật theo thỏa thuận.